TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C, TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/11/2018.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

* Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông TRẦN VĂN HÀI
2. Bà ĐOÀN THỊ THOA

* Thư ký phiên tòa: Bà PHẠM THỊ KIM LIÊU – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T: Bà HUỲNH THỊ CẨM - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 699/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Anh **Đặng Văn K**, sinh năm 1978.

ĐKHKTT: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh T.

2. **Bị đơn**: Chị **Võ Thị T (Võ Ngọc T),** sinh năm 1980.

ĐKHKTT: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T.

(Anh K, chị T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đặng Văn K trình bày*:**

Anh và chị T sống chung như vợ chồng từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc được 03 người con, hằng ngày anh đi làm thợ hồ kiếm tiền nuôi vợ và các con. Anh có dẫn người bạn làm thợ hồ

chung về nhà để nhậu, sau đó vợ anh và người bạn này nảy sinh tình cảm nhưng anh không hay biết. Đến năm 2009 thì vợ anh bỏ nhà đi sống chung với người tình cho đến nay.

Trong quá trình hôn nhân anh và chị T có 03 con chung là cháu Đặng Bích T, sinh ngày 03/02/2001; cháu Đặng Võ Hùng C, sinh ngày 14/10/2006; cháu Đặng Võ Như Y, sinh ngày 15/8/2008. Hiện cháu T đang ở với chị T; cháu C và cháu Như Y đang ở với anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có.

Nay tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với chị T. Về con chung anh yêu cầu nuôi cháu C và cháu Như Y, giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo đơn bản tự khai, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Võ Thị T (Võ Ngọc T) trình bày*:**

Chị và anh K sống chung với nhau vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc được 03 người con. Khi về sống chung thì anh K làm thợ hồ, lúc đầu thì chị làm nội trợ. Sau đó anh chị ra riêng thì chị lãnh hạt điều về làm. Do anh chị không hợp nhau nên anh chị không còn sống chung nữa và chị đã có chồng mới khoảng 02 năm nay nhưng chưa đăng ký kết hôn.

Về con chung có 03 con chung là cháu Đặng Bích T, sinh ngày 03/02/2001; cháu Đặng Võ Hùng C, sinh ngày 14/10/2006; cháu Đặng Võ Như Y, sinh ngày 15/8/2008. Hiện cháu T đang ở với chị; cháu C và cháu Như Y đang ở với anh K.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có.

Nay anh K yêu cầu ly hôn với chị, chị đồng ý. Về con chung chị yêu cầu tiếp tục được nuôi cháu T, giao cháu C và cháu Như Y cho anh K nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh K, chị T vẫn giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh, chị ly hôn. Về con chung giao cháu C và cháu Như Y cho anh K nuôi dưỡng, giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung: anh, chị xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán,

thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh Đặng Văn K và chị Võ Ngọc T là vợ chồng. Về con chung ghi nhận sự thỏa thuận của anh K và chị T: giao cháu Đặng Võ Hùng C, sinh ngày 14/10/2006; cháu Đặng Võ Như Y, sinh ngày 15/8/2008 cho anh K nuôi dưỡng; cháu Đặng Bích T, sinh ngày 03/02/2001 cho chị T nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Đặng Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đặng Văn K và chị Võ Ngọc T (Võ Thị T) cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh T. Sau khi có mâu thuẫn phát sinh chị Võ Ngọc T dọn ra ngoài sinh sống cho đến nay, chỗ ở hiện nay của chị T là ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là *"tranh chấp ly hôn"* theo quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân gia đình. Và căn cứ quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

Tòa án nhân dân huyện C đã thụ lý vụ án và đã tiến hành các thủ tục pháp lý triệu tập đương sự đến Tòa án để tự khai; tiến hành phiên họp kiểm tra, tiếp cận giao nộp chứng cứ và hòa giải, tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị T thống nhất trình bày hai anh chị sống chung từ năm 2000 cho đến ngày phát sinh mâu thuẫn, không có đăng ký kết hôn. Anh chị đã ly thân từ năm 2009 đến nay và chị T đã có chồng khác khoảng 02 năm nay. Nay yêu cầu Hội đồng xét xử cho anh chị ly hôn.

Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 22/10/2018, do trưởng ấp T, xã A là ông Trần Phước L cung cấp tại địa phương cuộc sống vợ chồng của anh K và chị T đã tan vỡ, không còn hạnh phúc, kiến nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của anh K, chị T.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên và kết quả của việc xác minh thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của anh K, chị T đã thật sự trầm trọng, anh chị đã ly thân thời gian khá lâu mà chị T lại không hiểu biết pháp luật đã có chồng khác, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Nay anh K yêu cầu ly hôn với chị T, thì chị T cũng đồng ý. Do anh, chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng không đi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký theo quy định đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay có tranh chấp xin ly hôn nên trường hợp này pháp luật quy định anh K và chị T không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh K và chị T về vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con. Tiếp tục giao cháu Đặng Võ Hùng C, sinh ngày 14/10/2006; cháu Đặng Võ Như Y, sinh ngày 15/8/2008 cho anh K nuôi dưỡng; cháu Đặng Bích T, sinh ngày 03/02/2001 cho chị T nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh K và chị T thống nhất trình bày không có nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 14, 51, 53, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Đặng Văn K và chị Võ Ngọc T (Võ Thị T) là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Võ Hùng C, sinh ngày 14/10/2006; cháu Đặng Võ Như Y, sinh ngày 15/8/2008 cho anh K nuôi dưỡng; cháu Đặng Bích T, sinh ngày 03/02/2001 cho chị T nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh K đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 09322 ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C. Xem như anh K đã thi hành xong phần án phí.

5. Anh K, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU